

13. Công ty Lương thực Yên Bái,
14. Công ty Lương thực Tuyên Quang,
15. Công ty Lương thực Bắc Thái,
16. Công ty Lương thực Vĩnh Phú,
17. Công ty Lương thực Hà Bắc,
18. Công ty Lương thực Hòa Bình,
19. Công ty Lương thực Hà Tây,
20. Công ty Lương thực Hải Hưng,
21. Công ty Lương thực Nam Hà,
22. Công ty Lương thực Ninh Bình,
23. Công ty Lương thực Thanh Hóa,
24. Công ty Lương thực Nghệ An,
25. Công ty Lương thực Hà Tĩnh,
26. Công ty Lương thực Quảng Bình,
27. Công ty Lương thực Quảng Trị,
28. Công ty Lương thực Thừa Thiên - Huế,
29. Công ty Tài chính lương thực miền Bắc.

B. CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP:

1. Trường trung học nghề lương thực thực phẩm I.

II. DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ LIÊN DOANH CÓ VỐN GÓP CỦA TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC

(tại thời điểm thành lập Tổng công ty)

1. Công ty liên doanh sản xuất bột mì VIMAFLOUR,
2. Công ty liên doanh BIC - TUNG SHING.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 425-TTg ngày 26-7-1995 về việc giao Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhiệm vụ chi trả trợ cấp thương binh - xã hội và người có công.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Điều 150 Bộ Luật Lao động;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Hội đồng Quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Giao Bảo hiểm xã hội Việt Nam nhiệm vụ tiếp nhận kinh phí và tổ chức chi trả cho đối tượng hưởng kinh phí trợ cấp ưu đãi thương binh - xã hội và người có công.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam được nhận lệ phí chi trả binh quân chung cả nước là 0,52% tính trên tổng số tiền trợ cấp thương binh - xã hội và người có công. Mức cụ thể ở từng địa phương do Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định.

Điều 2.- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định này.

Điều 3.- Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 8 năm 1995.

Điều 4.- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 428-TTg ngày 7-8-1995 về chủ trương đầu tư dự án Knối phục và hoàn thiện cơ sở hạ tầng nghề cá Việt Nam.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

096/780

Xét Tờ trình của Bộ Thủy sản (số 975-TTr/KHĐT ngày 12-6-1995) xin phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án Khôi phục và hoàn thiện cơ sở hạ tầng nghề cá Việt Nam và ý kiến thẩm định dự án của Hội đồng Thẩm định cấp Nhà nước (Công văn số 2319-VPTĐ ngày 17-7-1995 của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khôi phục và hoàn thiện cơ sở hạ tầng nghề cá Việt Nam với các nội dung sau đây:

1. Tên dự án: Khôi phục và hoàn thiện cơ sở hạ tầng nghề cá Việt Nam.

2. Mục tiêu của dự án: Khôi phục, nâng cấp và xây dựng 10 cảng cá ở 9 tỉnh, thành phố nhằm tăng thêm nơi trú đầu cho 3500 tàu thuyền; tăng khả năng khai thác hàng hải sản qua cảng là 35.000 T/năm. Tăng năng lực đánh bắt để khai thác có hiệu quả nguồn lợi hải sản ở vùng biển xa bờ của Việt Nam, góp phần bảo vệ nguồn lợi hải sản và vệ sinh môi trường vùng biển; tạo thêm việc làm cho người lao động.

3. Phạm vi và quy mô của dự án: Dự án gồm 10 dự án thành phần khôi phục, nâng cấp và xây dựng 10 cảng cá ở 9 tỉnh, thành phố và tăng thêm năng lực đánh bắt hải sản, cụ thể là:

a) Khôi phục, nâng cấp và xây dựng 10 cảng cá:

- Cảng cá Cát Bà - thành phố Hải Phòng
- Cảng cá Cửa Hội - tỉnh Nghệ An
- Cảng cá Xuân Phổ - tỉnh Hà Tĩnh
- Cảng cá Sông Gianh - tỉnh Quảng Bình
- Cảng cá Thuận Phước - sông Hàn - tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng
- Cảng cá Phan Thiết - tỉnh Bình Thuận
- Cảng cá Tắc Cậy - tỉnh Kiên Giang
- Cảng cá Phú Quý - tỉnh Bình Thuận
- Cảng cá Côn Đảo - tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Cảng cá Cà Mau - tỉnh Minh Hải.

b) Tăng thêm năng lực máy thủy và tàu thuyền đánh cá loại trên 100 mã lực/chiếc.

4. Vốn đầu tư cho dự án:

- Tổng vốn đầu tư: 71,4 triệu USD.

Trong đó:

+ Vốn vay Ngân hàng Phát triển châu Á là 57 triệu USD.

+ Vốn đối ứng trong nước bảo đảm phần còn lại.

- Mức vốn đầu tư cho từng công trình sẽ được xác định chính thức khi xem xét ra quyết định đầu tư dự án khả thi từng dự án thành phần (với mức vốn ngoài nước là mức trần và bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng trong nước không vượt quá mức quy định chung).

- Khoản đầu tư các hạng mục cơ sở hạ tầng của cảng cá từ các nguồn vốn được ngân sách cấp phát; khoản đầu tư các hạng mục khai thác, kinh doanh (kho, cơ sở chế biến hải sản, sản xuất nước đá, máy thủy, thiết bị, phương tiện) là vốn vay theo quy định của Nhà nước.

- Việc xây dựng chợ cá, cửa hàng kinh doanh vật tư và dịch vụ, cảng tin, cầu lạc bờ, công trình phúc lợi giáo dục, y tế, không đầu tư bằng nguồn vốn vay này.

- Việc đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống K.C.S. Bộ Thủy sản và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước tìm nguồn vốn cân đối khác và báo cáo Chính phủ.

5. Việc xây dựng các công trình và mua sắm thiết bị đều phải thông qua đấu thầu nhằm tiết kiệm vật tư, tiền vốn và nâng cao chất lượng công trình.

6. Thời gian tối đa để thực hiện dự án là 6 năm, kể từ ngày được cấp vốn.

Điều 2.- Phân giao nhiệm vụ:

1. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Thủy sản và các ngành có liên quan cân đối vốn cho dự án.

2. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm cân đối ngân sách để cấp vốn đối ứng cho dự án theo đúng dự án khả thi được duyệt; trả nợ vốn vay cho dự án khi đến hạn, theo đúng cam kết quốc tế về vay và trả nợ.

3. Bộ Thủy sản là chủ quản dự án có nhiệm vụ:

- Căn cứ vào dự án tiền khả thi được duyệt, phối hợp với địa phương nơi có dự án chỉ đạo các chủ đầu tư lập báo cáo khả thi đối với từng dự án thành phần thành các hồ sơ riêng biệt, thực hiện xét duyệt dự án theo quy chế hiện hành, bảo đảm không chế trong tổng vốn đầu tư đã được xác định tại mục 4 Điều 1 của Quyết định này.

- Tổ chức điều hành dự án, thực hiện phần đầu tư cơ sở hạ tầng các cảng cá, bảo đảm chất lượng, đúng tiến độ, đúng chế độ và nghiệm thu, quyết toán công trình, đưa công trình vào sử dụng có hiệu quả.

- Cùng các Bộ có liên quan đàm phán với Ngân hàng Phát triển châu Á về việc điều chuyển phần vốn dự kiến đầu tư cho hệ thống K.C.S để bổ sung tăng thêm cho các công trình cơ sở hạ tầng của cảng cá, hoặc đầu tư cho ngư dân vay lại để phát triển sản xuất.

4. Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Thủy sản và các địa phương, xem xét cho ngư dân và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hải sản vay lại phần vốn vay của Ngân hàng Phát triển châu Á để mua máy thủy và xây dựng các hạng mục không thuộc công trình xây dựng cơ sở hạ tầng của cảng cá trong chương trình của dự án, bảo đảm thu hồi vốn hoàn trả ngân sách để trả nợ nước ngoài.

5. Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố nơi có các dự án thành phần chỉ định chủ đầu tư dự án; phối hợp với Bộ Thủy sản, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan chuẩn bị vốn đối ứng để đầu tư xây dựng các hạng mục công trình; giải quyết các thủ tục về đất đai, di dân, tái định cư và đền bù cho nhân dân nơi có các công trình của dự án theo đúng quy định hiện hành và phối hợp chặt chẽ với Bộ Thủy sản thực hiện dự án, bảo đảm cho dự án triển khai thuận lợi.

Điều 3.- Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký, Bộ trưởng Bộ Thủy sản, Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
TRẦN ĐỨC LƯƠNG

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 431-TTg ngày 7-8-1995 về quản lý đầu tư và xây dựng đối với Quốc phòng, An ninh.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Cơ sở Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992.

Cơ sở Nghị định số 177-CP ngày 20-10-1994 của Chính phủ về việc ban hành Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng;

Để quản lý chặt chẽ và có hiệu quả các nguồn vốn của Nhà nước đầu tư cho Quốc phòng, An ninh;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Việc quản lý đầu tư và xây dựng đối với Quốc phòng, An ninh phải tuân thủ các quy định trong Điều lệ Quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 177-CP ngày 20-10-1994 của Chính phủ, không phân biệt nguồn vốn đầu tư thuộc:

- Ngân sách Quốc phòng, An ninh,
- Vốn đầu tư tập trung của ngân sách Nhà nước,
- Các nguồn vốn khác.

Điều 2.- Yêu cầu của công tác quản lý đầu tư và xây dựng đối với Quốc phòng, An ninh:

1. Đầu tư và xây dựng phải theo đúng quy hoạch đã được duyệt.

2. Phải phù hợp với khả năng kinh tế xã hội trong từng thời kỳ và đúng mục tiêu nhu cầu của Quốc phòng, An ninh.

3. Kết hợp chặt chẽ để đáp ứng nhu cầu Quốc phòng, An ninh và nhu cầu kinh tế xã hội.

4. Bảo đảm bí mật.

Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ cần xây dựng quy hoạch về công nghiệp quốc phòng theo định hướng trong Nghị quyết số 5-NQ/TW ngày 20-7-1993 của Bộ Chính trị về hệ thống sản bay, bến cảng, bệnh viện, kho tàng, học viện, nhà trường... để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, hoặc được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền phê duyệt.

Điều 3.- Về nguồn vốn ngân sách Nhà nước đầu tư cho Quốc phòng, An ninh:

1. Việc phân định nguồn vốn ngân sách Nhà nước đầu tư cho Quốc phòng, An ninh được xác định trên cơ sở:

- Phù hợp với khả năng của nền kinh tế, đồng thời phải đáp ứng nhu cầu của Quốc phòng, An ninh.

- Bảo đảm thống nhất quản lý đầu tư và xây dựng theo pháp luật, theo chiến lược, quy hoạch và kế hoạch về xây dựng Quốc phòng, An ninh của Đảng và Chính phủ.